

Số: /QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 và các văn bản hướng dẫn Luật Thủy sản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3332/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Văn bản số 6094/BNN-KH ngày 24/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du;

Căn cứ văn bản số 1716/UBND-KT ngày 21/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du.

Xét Tờ trình số 625/TTr-SNNPTNT ngày 23/12/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang (chủ đầu tư) về việc trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch (kèm theo báo cáo số 2280/BC-TCTS-KHTC ngày 27/12/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên dự án:** Đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du.
- 2. Người quyết định đầu tư:** Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- 3. Chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang.
- 4. Mục tiêu:** Xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du thành khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng, phục vụ tàu thuyền vào neo đậu tránh trú bão nhằm giảm thiểu thiệt hại cho người và tài sản của ngư dân hoạt động nghề cá tỉnh Kiên Giang và các tỉnh lân cận trên ngư trường Tây nam Bộ trong mùa mưa bão.

5. Quy mô đầu tư:

Công suất đáp ứng cho 1.000 tàu có chiều dài đến 35m (hoặc 600CV) vào neo đậu, gồm các hạng mục công trình:

5.1. Luồng và vùng nước neo đậu tàu:

Luồng và vùng nước neo đậu tàu có tổng diện tích 75,4ha (giai đoạn 1 có tổng diện tích 71,6ha), cao độ đáy (hệ cao độ Hòn Dấu) là -5,8m (đối với tàu cá có chiều dài tới 35m hoặc tàu có công suất 600CV); Chiều rộng luồng chạy tàu là 50m;

5.2. Đê chắn sóng:

5.2.1. Đoạn K1-1 (đê chắn sóng loại không cho sóng tràn qua), chiều dài 110m:

- Thân đê có kết cấu bằng hỗn hợp đá hộc đổ trên nền tự nhiên. Cơ đê rộng 4,0m tại cao trình +3,6m;
- Mái đê chắn sóng và chân khay phía biển được bảo vệ bằng khối tetrapod; Mái đê phía bờ có kết cấu bằng đá hộc xếp khan;
- Mặt đê rộng 4,5m có gờ chắn sóng, cao trình mặt đê +2,7m, cao trình đỉnh tường chắn sóng +5,3m, bản mặt đê bê tông cốt thép trên lớp đệm đá dăm.

5.2.2. Đoạn K1-2 (đê chắn sóng loại cho sóng tràn qua), chiều dài 310m:

- Đê chắn sóng hệ khung cọc BTCT UST kết hợp đá hộc ở giữa;
- Mặt đê rộng 4,5m có gờ chắn sóng, cao trình mặt đê: +2,7m, cao trình đỉnh gờ chắn sóng: +3,50m;
- Chân khay phía biển chống xói đá hộc đổ dày khoảng 1,5m.

5.2.3. Đoạn K2 (đê chắn sóng loại cho sóng tràn qua), chiều dài 585m:

- Thân đê có kết cấu thùng chìm bê tông cốt thép, có trọng lượng lớn hơn 720T/thùng, trong thùng chìm được đổ vật liệu cát khai thác tại chỗ (từ hoạt động nạo vét);

- Mái đê chắn sóng phía biển được bảo vệ bằng khối tetrapod và khối đá hộp chân khay;
- Chân khay phía neo đậu được bảo vệ bằng đá hộp dày tối thiểu 1,5m;
- Mặt đê có tường hắt sóng, cao trình mặt đê +2,7m, cao trình đỉnh gờ chắn sóng +3,50m, bản mặt đê kết cấu BTCT.

5.3. Khu nước, luồng tàu:

5.3.1. Nạo vét:

- Tổng diện tích luồng và vùng nước neo đậu tàu 71,6ha, trong đó diện tích vùng nước neo đậu tàu: 57,9ha;
- Chiều rộng luồng trong vùng nước neo đậu 50,0m;
- Cao độ đáy luồng và vùng nước neo đậu -5,8m;
- Khối lượng nạo vét khoảng 171.000m³;

5.3.2. Kè bảo vệ bãi tạm lưu chứa nạo vét (sử dụng làm mặt bằng phục vụ thi công trong thời gian thi công các hạng mục công trình của dự án):

- Bãi chứa đất nạo vét có diện tích 03ha, được bảo vệ bằng cừ tạm (cừ larsen) đóng theo ranh giới bãi chứa (trừ vị trí bến tạm phục vụ thi công, vật tư cừ sẽ được thu hồi, xử lý sau khi đất nạo vét được sử dụng để san lấp mặt bằng khu dịch vụ hậu cần nghề cá trên đảo Hòn Ngang);
- Bến tạm phục vụ thi công: được bố trí tại ranh giới bãi chứa phía mặt nước khu neo đậu, có kết cấu hàng cừ phía trước là cừ ván BTCT UST và hệ cọc neo chống phía sau là cọc ống UST được đóng theo phương dọc kè.

5.4. Hệ thống phụ trợ neo tàu:

- Phao neo tàu: Số lượng không dưới 36 cụm phao. Kết cấu phao có đường kính 2,6m làm bằng vỏ thép bọc composite chống rỉ, được neo giữ bằng rùa neo 40T;
- Bích neo tàu dọc đê chắn sóng: bích neo loại 20T có kết cấu bằng gang đúc.

5.5. Hệ thống báo hiệu:

- Trụ đèn báo hiệu khu neo đậu: Trụ đèn báo hiệu cao 9m, kết cấu thép, đèn báo hiệu có tầm hiệu lực 10 ÷ 15 hải lý;
- Cột báo hiệu đầu đê chắn sóng: Trụ đèn báo hiệu cao 6m, kết cấu thép, đèn báo hiệu có tầm hiệu lực 2 ÷ 3 hải lý;
- Cột báo hiệu luồng và khu nước neo đậu: Kết cấu thép và sơn màu theo quy định báo hiệu đường thủy.

5.6. Nhà quản lý:

- Nhà 1 tầng, Tổng diện tích 130m², đặt tại góc đê K1, kết cấu BTCT, tường bao che xây gạch.

6. Tổ chức Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty Cổ phần thiết kế và XDCT Trường Sinh.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất xây dựng công trình:

7.1. Địa điểm xây dựng: Xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

7.2. Diện tích sử dụng mặt đất, mặt biển: khoảng 78,53ha, bao gồm:

- Mặt đất: khoảng 0,04ha;
- Mặt nước: khoảng 78,49ha.

8. Nhóm dự án; loại, cấp công trình:

8.1. Nhóm dự án: Nhóm B.

8.2. Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp IV.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

9.2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: tại Phụ lục II kèm theo.

10. Tổng mức đầu tư: 405.000.000.000 đồng (Bốn trăm linh năm tỷ đồng).

Bao gồm:

- Chi phí GPMB:	5.000.000.000 đồng
- Chi phí xây dựng:	323.701.674.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	5.313.887.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	16.715.750.000 đồng
- Chi phí khác:	6.735.078.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	47.533.617.000 đồng

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án: 04 năm, kể từ năm khởi công.

12. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn từ Ngân sách trung ương (do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý): 400.000.000.000 đồng.

- Vốn Ngân sách địa phương (do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quản lý): 5.000.000.000 đồng.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

14. Phương án giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Giải phóng mặt bằng trong phạm vi diện tích mặt đất, mặt nước thực hiện dự án theo chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng hiện hành.

15. Các nội dung khác:

15.1. Các lưu ý trong giai đoạn triển khai sau thiết kế cơ sở:

a) Khảo sát bổ sung địa hình địa chất theo tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, lựa chọn giải pháp kỹ thuật tối ưu kết cấu công trình đề chắn sóng, bến tạm, kè bờ đảm bảo ổn định, kỹ thuật, kinh tế.

b) Các nội dung được phép thay đổi trong bước thiết kế sau thiết kế cơ sở: Chi tiết/cao trình móng dề/kè; chi tiết cấu kiện phá sóng; chi tiết kiến trúc nhà quản lý; chi tiết cấu tạo, vị trí bích neo, phao neo. Việc điều chỉnh thay đổi không làm vượt tổng mức đầu tư và nguồn vốn bố trí cho dự án.

c) Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát bước thiết kế thi công, thiết kế xây dựng công trình, phù hợp yêu cầu của quy hoạch xây dựng của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại các Điều: 25; 26; 32 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

15.2. Đề nghị đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang:

a) Quy định cụ thể địa điểm, giải pháp bảo vệ môi trường trong vận chuyển tồn chứa chất nạo vét.

b) Quy định nội dung quản lý sử dụng và các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc sử dụng khối lượng chất nạo vét thu hồi từ việc nạo vét khu nước Dự án phù hợp yêu cầu của pháp luật liên quan.

c) Tổ chức tiếp nhận quản lý tài sản hình thành từ Dự án, giao đơn vị quản lý sử dụng, khai thác vận hành đúng mục tiêu đầu tư.

d) Đầu tư đồng bộ hệ thống thông tin liên lạc, trang thiết bị đảm bảo hoạt động của khu neo đậu tránh trú bão theo định mức trang thiết bị chuyên dùng của Tỉnh.

đ) Đầu tư xây dựng cảng cá trên đảo Hòn Ngang (cảng loại 2), đảm bảo đồng bộ với các hạng mục công trình bảo vệ khu nước, công trình neo đậu tàu được đầu tư tại dự án.

15.3. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

a) Báo cáo UBND Tỉnh có kế hoạch đầu tư đồng bộ hệ thống thông tin liên lạc, trang thiết bị đảm bảo hoạt động của khu neo đậu tránh trú bão theo định mức trang thiết bị chuyên dùng của Tỉnh.

b) Quyết định sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc có đủ điều kiện, năng lực để tổ chức quản lý dự án.

c) Căn cứ bản đồ ô nhiễm bom mìn, vật nổ để đề xuất công tác rà phá bom mìn theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

d) Xây dựng phương án ứng phó thiên tai cho công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác sử dụng.

đ) Xây dựng phương án đảm bảo an toàn giao thông, đảm bảo an toàn môi trường khi thực hiện các hoạt động xây dựng tại vị trí, phạm vi dự án để được cơ quan chức năng địa phương giám sát, điều phối theo quy định của pháp luật.

e) Xây dựng nội dung giám sát, quản lý đối với việc thi công nạo vét, vận chuyển, lưu chứa chất nạo vét, thu hồi vật tư các công trình tạm đúng quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Tổng cục Thủy sản thực hiện chức năng của cơ quan chuyên môn về xây dựng, là đơn vị đầu mối thẩm định, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch thực hiện chức năng phân bổ vốn đầu tư thực hiện dự án và các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ.

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý vốn, kỹ thuật, chất lượng, tiến độ; giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện theo các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, về bảo vệ môi trường; bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo đúng các quy định chuyên ngành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản; Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Phùng Đức Tiến;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Kho bạc NN tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp